

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CÁC TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤM ĐIỂM KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022 CỦA UBND XÃ ĐẮK PNE**

(Kèm theo Báo cáo số: 01/BC-HĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện)

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
1	2	3	4	5	6
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>	<b>16</b>	<b>12</b>	<b>9,5</b>	
<b>1.1</b>	<b>Thực hiện kế hoạch cải cách hành chính</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
1.1.1	Việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm	0.5			Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2022
	Ban hành kịp thời (trong thời gian 30 ngày so với thời gian ban hành Kế hoạch của UBND huyện): 0.5		0.5	0.5	
	Ban hành không kịp thời (sau 30 ngày so với thời gian ban hành Kế hoạch của UBND huyện hoặc không ban hành): 0				
1.1.2	Nội dung Kế hoạch cải cách hành chính phải bảo đảm toàn diện trên tất cả 06 lĩnh vực cải cách, bao gồm: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách thủ tục hành chính; (3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; (4) Cải cách chế độ công vụ; (5) Cải cách tài chính công; (6) Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Xác định đầy đủ: 0,5 Không xác định đầy đủ: 0	0.5			
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch cải cách hành chính năm	1			Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 18/11/2022
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ $b/a < 0,8$ thì điểm đánh giá là 0		1	1	
<b>1.2</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
1.2.1	Báo cáo cải cách hành chính, báo cáo chuyên đề cải cách hành chính (báo cáo chính thức đến Phòng Nội vụ chậm nhất vào ngày 13 tháng cuối cùng của quý đối với báo cáo quý; ngày 13 tháng 6 đối với báo cáo 6 tháng và ngày 13 tháng 12 đối với báo cáo năm)	0.5			Báo cáo số 25/BC-UBND ngày 03/3/2022 (Quý I); Báo cáo số 70/BC-UBND ngày 04/6/2022 (Quý II); Báo cáo số 71/BC-UBND ngày 04/6/2022 (6 tháng đầu năm 2022); Báo cáo số 122a/BC-UBND ngày 04/9/2022 (Quý III/2022); Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 18/11/2022 (Báo cáo năm 2022)
	- Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo hướng dẫn: 0,5  - Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0		0.5	0.5	
1.2.2	Báo cáo TỰ ĐÁNH GIÁ, chấm điểm cải cách hành chính	0.5			Báo cáo số 195/BC-UBND ngày 18/11/2022
	- Đáp ứng đầy đủ về nội dung, thời gian theo hướng dẫn (báo cáo chính thức gửi đến UBND huyện và Phòng Nội vụ huyện chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 hằng năm): 0,5 - Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0		0.5	0.5	
<b>1.3</b>	<b>Công tác tuyên truyền cải cách hành chính</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	
1.3.1	Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm	0.5			Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 25/2/2022; Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 18/11/2022
	Có xây dựng kế hoạch hoặc có lồng ghép nội dung tuyên truyền trong Kế hoạch CCHC năm. Các nội dung tuyên truyền được xây dựng có xác định rõ thời gian thực hiện và có sản phẩm hoàn thành cụ thể: 0,5		0.5	0.5	
	Có xây dựng kế hoạch tuyên truyền hoặc có lồng ghép nội dung tuyên truyền trong Kế hoạch CCHC năm. Tuy nhiên nội dung chung chung không có hoạt động cụ thể: 0,25 Không xây dựng kế hoạch đồng thời không lồng ghép nội dung tuyên truyền trong Kế hoạch CCHC năm: 0				
1.3.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính (hoặc nhiệm vụ tuyên truyền cải cách hành chính trong Kế hoạch cải cách hành chính)	0.5			Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 18/11/2022 (01 hình thức: Tổ chức tuyên truyền lồng ghép tại các buổi họp định kỳ của thôn)
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ . Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ $b/a < 0,8$ thì điểm đánh giá là 0		0.5	0.5	
1.3.3	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền cải cách hành chính: (1) Tổ chức hội nghị/hội thảo/tập huấn về cải cách hành chính; (2) Đăng tải thông tin cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của đơn vị; (3) Tuyên truyền cải cách hành chính trên báo chí/Đài Phát thanh - Truyền hình cơ sở; (4) Tổ chức thi/toạ đàm/sân khấu hóa hoặc các hình thức khác	2			Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 18/11/2022 (01 hình thức: Tổ chức tuyên truyền lồng ghép tại các buổi họp định kỳ của thôn)
	Tuyên truyền thông qua 04 hình thức trở lên: 2				
	Tuyên truyền thông qua 03 hình thức: 1 Tuyên truyền thông qua 02 hình thức: 0,5		1		

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
	<i>Tuyên truyền thông qua dưới 02 hình thức: 0</i>			0	
1.4	<b>Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính</b>	3	0	0	
	<i>Có từ 1 sáng kiến/giải pháp mới trở lên: 3</i> <i>Không có sáng kiến/giải pháp mới: 0</i>		0	0	Không có sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận
1.5	<b>Việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao</b>	7	7	5.5	
1.5.1	Thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao ( <i>không tính các nhiệm vụ đã giao trong chương trình công tác của Ủy ban nhân dân huyện</i> )	4			Báo cáo số 32a/BC-UBND ngày 23/3/2022 (tháng 2); Báo cáo 44/BC-UBND ngày 20/04/2022 (tháng 3); 59/BC-UBND ngày 20/5/2022 (tháng 4); 85a/BC-UBND ngày 17/6/2022 (tháng 5); 102/BC-UBND ngày 19/7/2022 (tháng 6); 118/BC-UBND ngày 19/8/2022 (tháng 7); 133/BC-UBND ngày 20/9/2022 (tháng 8); 162/BC-UBND ngày 20/10/2022 (tháng 9); 191/BC-UBND ngày 18/11/2022 (tháng 10). (Báo cáo của UBND xã về Kết quả thực hiện Kết luận của Chủ tịch UBND huyện tại các buổi họp giao ban định kỳ hàng tháng). Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 08/11/2022 của UBND xã về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> <i>[(b/a)*điểm tối đa + (c/a)/2*điểm tối đa]. Trong đó:</i> <i>a là tổng số nhiệm vụ được giao;</i> <i>b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ;</i> <i>c là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng chậm tiến độ.</i>		4	3	
1.5.2	Thực hiện Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân huyện	3			
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> <i>[(b/a)*điểm tối đa + (c/a)/2*điểm tối đa]. Trong đó:</i> <i>a là tổng số nhiệm vụ được giao;</i> <i>b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ;</i> <i>c là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng chậm tiến độ.</i>		3	2.5	
<b>2</b>	<b>CAI CÁCH THỂ CHẾ</b>	<b>10</b>	<b>9.5</b>	<b>9.68</b>	
2.1	<b>Theo dõi thi hành pháp luật</b>	<b>3</b>	<b>2.5</b>	<b>2.75</b>	
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1			Số Kế hoạch 22/KH-UBND ngày 01/3/2022 về TDTHPL; Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 07/3/2022 về TDTHPL về XLVPHC
	<i>Thu thập thông tin về tình hình theo dõi thi hành pháp luật: +0,25</i>		0	0.25	Báo cáo số 193/BC-UBND ngày 18/11/2022 về TDTHPL năm 2022
	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: +0.5</i>		0.5	0.5	Báo cáo số 193/BC-UBND ngày 18/11/2022 về TDTHPL năm 2022
	<i>Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: +0.25</i>		0	0	Phiếu khảo sát (nếu tổ chức khảo sát)
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1			Báo cáo số 193/BC-UBND ngày 18/11/2022 về TDTHPL năm 2022
	<i>Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền: 1</i> <i>Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền: 0</i>		1	1	
2.1.3	Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	1	1	1	Báo cáo số 193/BC-UBND ngày 18/11/2022 về TDTHPL năm 2022
	<i>Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo hướng dẫn: 1</i> <i>Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0</i>				
2.2	<b>Rà soát văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	0.5			
	<i>Có ban hành: 0.5</i> <i>Không ban hành: 0</i>		0.5	0.5	Số Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 19/01/2022 về kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2022
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	1.5			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó:</i> <i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i> <i>Nếu tỷ lệ b/a &lt; 0,8 thì điểm đánh giá là 0.</i>		1.5	1.5	Báo cáo 192/BC-UBND ngày 19/11/2022 kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2022. Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 công bố rà soát năm
2.2.3	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản quy phạm pháp luật sau rà soát	1.5			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó:</i> <i>a là tổng số văn bản cần phải xử lý</i> <i>b số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i> <i>Trường hợp a=0 thì đạt điểm tối đa.</i>		1.5	1.5	Báo cáo 192/BC-UBND ngày 19/11/2022 kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2022.
2.2.4	Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	0.5			
	<i>Báo cáo đúng hạn và đầy đủ, chính xác số liệu về số văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát, số văn bản quy phạm pháp luật đã kiến nghị xử lý, số đã kiến nghị và đã được xử lý: 0,5</i> <i>Báo cáo không đầy đủ nội dung, số liệu theo yêu cầu hoặc báo cáo trễ hạn: 0</i>		0.5	0.5	Báo cáo 192/BC-UBND ngày 19/11/2022 kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2022.
2.3	<b>Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
2.3.1	Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	0.5			
	<i>Thực hiện tốt công tác phối hợp: 0,5</i>		0.5	0.5	Báo cáo 192/BC-UBND ngày 19/11/2022 kiểm tra, rà soát VBQPPL
	<i>Chưa thực hiện tốt công tác phối hợp: 0</i>				
2.3.2	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	1.5			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số văn bản cần phải xử lý</i>				
	<i>b số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>		1.5	1.5	Báo cáo 192/BC-UBND ngày 19/11/2022 kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2022.
	<i>Trường hợp a=0 thì đạt điểm tối đa</i>				
<b>2.4</b>	<b>Phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0.93</b>	
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch</i>		1	0.93	Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 23/02/2022 TTPBGDPL năm 2022
	<i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i>				
	<i>Nếu tỷ lệ b/a &lt; 0,8 thì điểm đánh giá là 0</i>				
<b>3</b>	<b>CAI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>16.5</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	
<b>3.1</b>	<b>Kiểm soát quy định thủ tục hành chính</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	
3.1.1	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát thủ tục hành chính	1			
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		1	1	
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
	<i>Đơn vị không có báo cáo kết quả rà soát TTHC hoặc báo cáo trễ hạn thì nội dung này 0 điểm</i>				
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính	1			Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND xã về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch</i>		1	1	
	<i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ</i>				
	<i>Nếu tỷ lệ b/a &lt; 0,8 thì điểm đánh giá là 0</i>				
3.1.3	Báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát thủ tục hành chính (báo cáo quý I, báo cáo quý II, báo cáo quý III, báo cáo năm)	1			Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 12/3/2022 (báo cáo quý I/2022); Báo cáo số 74/BC-UBND ngày 15/6/2022 (báo cáo quý II/2022); Báo cáo 130/BC-UBND ngày 14/9/2022 (báo cáo quý III/2022); Báo cáo 190/BC-UBND ngày 18/11/2022 (báo cáo năm 2022) của UBND xã về kết quả rà soát, đánh giá TTHC của xã Đắk Pnè
	<i>Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo hướng dẫn: 1</i>		1	1	
	<i>Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0</i>				
<b>3.2</b>	<b>Công bố, công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2.5</b>	
3.2.1	Công khai thủ tục hành chính đầy đủ và đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cấp xã	1			Kiểm tra thực tế
	<i>Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu {(1) Bảng niêm yết công khai thủ tục hành chính; (2) Danh mục thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực; (3) Công khai đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành; (4) Không công khai các thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành; (5) Công khai đầy đủ các bộ phận tạo thành của từng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành}: 1</i>		1	1	
	<i>Không đáp ứng đủ các yêu cầu trên: 0</i>				
3.2.2	Tỷ lệ bộ phận chuyên môn cấp xã công khai thủ tục hành chính đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận một cửa	1			
	<i>Đạt 100% bộ phận chuyên môn cấp xã thực hiện đúng: 1</i>		1	1	
	<i>Từ 70 - dưới 100% bộ phận chuyên môn cấp xã thực hiện đúng: 0,5</i>				
	<i>Dưới 70% bộ phận chuyên môn cấp xã thực hiện đúng: 0</i>				
3.2.3	Công khai thủ tục hành chính lên Trang thông tin điện tử của đơn vị	0.5			Kiểm tra thực tế
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>		0.5	0	
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
3.2.4	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử của đơn vị	0.5			Kiểm tra thực tế
	<i>100% hồ sơ thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, thường xuyên, liên tục: 0.5</i>		0.5	0.5	
	<i>Dưới 100% hồ sơ thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, thường xuyên, liên tục: 0</i>				
<b>3.3</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	
3.3.1	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa	1			Kiểm tra thực tế
	<i>100% thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định: 1</i>		1	1	
	<i>Dưới 100% thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định: 0</i>				
3.3.2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông (nếu đơn vị không có thủ tục hành chính được quy định giải quyết thông qua cơ chế một cửa liên thông thì được giảm trừ, không đánh giá tiêu chí này)	0.5			Kiểm tra thực tế
	<i>100% thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định: 0.5</i>		0.5	0.5	

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
3.3.3	Dưới 100% thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định: 0 Tiếp nhận hồ sơ có sử dụng các biểu mẫu trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	1			Kiểm tra thực tế
	100% hồ sơ được thực hiện đầy đủ và đảm bảo theo quy định: 1		1	1	
3.3.4	Sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tinh	2			Kiểm tra thực tế
	100% hồ sơ TTHC được tiếp nhận thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tinh: +1 điểm (dưới 100%: 0).		1	1	
	100% hồ sơ TTHC được cập nhật quá trình giải quyết hồ sơ lên phần mềm		1	0	
	Một cửa điện tử đồng bộ với quá trình giải quyết hồ sơ thực tế: +1 điểm (dưới 100%:0)				
3.3.5	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong năm	1.5			Kiểm tra thực tế
	100% hồ sơ được số hóa, cập nhật lên phần mềm Một cửa điện tử tại bước tiếp nhận: 0,5		0,5	0,5	
	100% hồ sơ được số hóa, cập nhật lên phần mềm Một cửa điện tử tại bước xử lý hồ sơ: 0,5		0,5	0,5	
	100% hồ sơ được số hóa, cập nhật lên phần mềm Một cửa điện tử tại bước trả kết quả: 0,5		0,5	0,5	
<b>3.4</b>	<b>Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	
3.4.1	Tỉ lệ hồ sơ TTHC cấp xã được giải quyết đúng hạn	1			Kiểm tra thực tế
	Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số hồ sơ TTHC được giải quyết trong năm b là tổng số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn Nếu tỷ lệ b/a < 0,95 thì điểm đánh giá là 0		1	1	
3.4.2	Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức bằng văn bản khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (nếu trong năm đơn vị không có hồ sơ trễ hẹn thì không đánh giá tiêu chí này)	1			Kiểm tra thực tế
	- Đã thực hiện xin lỗi đầy đủ theo quy định: 1		1	1	
	- Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ theo quy định: 0				
3.4.3	Đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị, địa phương	1			Kiểm tra thực tế
	Từ 80% -100% đơn vị đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 1		1	1	
	Dưới 80% đơn vị đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 0				
3.4.4	Tổ chức thu thập ý kiến đánh giá	1			Kiểm tra thực tế
	- Phiếu đánh giá dành cho tổ chức, cá nhân được đặt tại bàn viết hồ sơ dành cho tổ chức, cá nhân, trên bàn làm việc của công chức, bàn tiếp đón và bàn trả kết quả: 0,5		0,5	0,5	
	- Phiếu đánh giá được phát cho tổ chức, cá nhân kèm theo				
	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: 0,5		0,5	0,5	
<b>3.5</b>	<b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị</b>	<b>0,5</b>	<b>0</b>	<b>0,5</b>	
3.5.1	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định hành chính, thủ tục hành chính (nếu trong năm đơn vị không có ý kiến phản ánh kiến nghị thì không đánh giá tiêu chí này)				Năm 2022 xã không có ý kiến phản ánh kiến nghị
	100% số phản ánh kiến nghị được xử lý theo quy định: 1				
	Dưới 100% số phản ánh kiến nghị được xử lý theo quy định: 0				
3.5.2	Công khai nội dung hướng dẫn phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức	0,5		0,5	Kiểm tra thực tế
	Thực hiện đúng quy định: 0,5				
	Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0		0		
3.5.3	Công khai kết quả trả lời phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết (nếu trong năm đơn vị không có ý kiến phản ánh kiến nghị thì không đánh giá tiêu chí này)				Năm 2022 xã không có ý kiến phản ánh kiến nghị
	100% số phản ánh kiến nghị đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0,25				
	Dưới 100% số phản ánh kiến nghị đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0				
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	
<b>4.1</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	
4.1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị (nếu trong năm không có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì không đánh giá tiêu chí này)				Không phát sinh Quy định mới
	Tham mưu đầy đủ, đúng quy định: 3				
	Tham mưu không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0				
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại đơn vị	3			
	Thực hiện đúng quy định: 3		3	3	
	Không thực hiện đúng quy định: 0				
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	2	2	2	

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
	Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính, số lượng người làm việc được giao: 2		2	2	
	Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính, số lượng người làm việc được giao được giao: 0				
<b>4.3</b>	<b>Thực hiện các quy định về phân cấp</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
4.3.1	Thực hiện quy định về phân cấp quản lý thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao	1			
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1		1	1	
	Không thực hiện đầy đủ hoặc thực hiện không đúng quy định: 0				
4.3.2	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1			
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1		1	1	
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
<b>5</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>	<b>13</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	
<b>5.1</b>	<b>Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức theo thẩm quyền quy định</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
	Đúng quy định: 1		1	1	
	Không đúng quy định: 0				
<b>5.2</b>	<b>Thực hiện quy định về bầu cử các chức danh lãnh đạo tại đơn vị</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	100% vị trí được bầu cử đúng quy định: 2		2	2	
	Dưới 100% vị trí được bầu cử đúng quy định: 0				
<b>5.3</b>	<b>Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	Đúng quy định: 2		2	2	
	Không đúng quy định: 0				
<b>5.4</b>	<b>Tỷ lệ cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của đơn vị tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng hàng năm</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
	Điểm đánh giá theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó a là tổng số chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra theo kế hoạch b là số chỉ tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu b/a < 0,8 thì điểm đánh giá: 0		1	1	
<b>5.5</b>	<b>Tình hình cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	Trong năm KHÔNG CÓ cán bộ bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: +2		2	2	
	Trong năm KHÔNG CÓ công chức thuộc phạm vi quản lý bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: +2			0	Có 01 công chức Tư pháp - Hộ tịch bị kỷ luật khiển trách
<b>5.6</b>	<b>Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
	Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo hướng dẫn: 1		1	1	
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0				
<b>5.7</b>	<b>Cán bộ, công chức cấp xã</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	1			
	100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 1		1	1	
	Dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0				
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	1			
	100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1		1	1	
	Dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0				
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	
<b>6.1</b>	<b>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước hàng năm	3			
	Điểm đánh giá được tính theo công thức [Tỷ lệ % giải ngân Kế hoạch đầu tư vốn NSNN * điểm tối đa /100%]		3	3	Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 là 2.152 tỷ, hiện UBND xã đang hoàn thiện thủ tục để giải ngân, ước đến 31/12/2022 tỷ lệ giải ngân đạt 100% KH
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước	2		0	Đơn vị thực hiện việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định
	Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 2		2	2	
	Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0				
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	2			Thực hiện chi hoàn trả kinh phí CCTL còn tồn năm 2021 chuyển sang năm 2022 theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2021 với số tiền 180.003.276 đồng
	Đã thực hiện 100% các kiến nghị hoặc không có kiến nghị phải thực hiện: 2		2	2	
	Đã thực hiện từ 80 - dưới 100% kiến nghị: 1				
	Đã thực hiện dưới 80% kiến nghị: 0				
<b>6.2</b>	<b>Công tác quản lý, sử dụng tài sản công</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
6.2.1	Báo cáo tình hình quản lý sử dụng tài sản công hàng năm	1			Đơn vị thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm đảm bảo theo thời gian quy định tại khoản 2 Điều 130 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ
	Báo cáo đúng thời hạn: 1		1	1	
	Báo cáo không đúng thời hạn: 0				
6.2.2	Thực hiện công khai tài sản công tại đơn vị theo phân cấp quản lý	1			Đơn vị thực hiện công khai tài sản công hàng năm theo quy định tại Điều 122, 123 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của
	Có thực hiện công khai: 1		1	1	
	Không thực hiện công khai: 0				
<b>6.3</b>	<b>Thực hiện thu ngân sách hàng năm theo kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện giao</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	



TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
	Đạt hoặc vượt dự toán thu được Ủy ban nhân dân huyện giao: 2 Không đạt dự toán thu được Ủy ban nhân dân huyện giao: 0		2	2	Tổng thu ngân sách thực hiện đến 30/11/2022 là 3.847 trđ đạt 84,28%KH, ước thực hiện đến 31/12/2022 là 4.565trđ đạt 106,4%KH
<b>6.4</b>	<b>Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
6.4.1	Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách Báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu và đúng thời hạn quy định: 1 Thực hiện không đầy đủ các yêu cầu trên: 0	1	1	1	Đơn vị thực hiện xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách theo đúng quy định
6.4.2	Thực hiện công khai dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi báo cáo theo quy định Báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu và đúng thời hạn quy định: 1 Thực hiện không đầy đủ các yêu cầu trên: 0	1	1	1	Đơn vị thực hiện công khai dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi báo cáo theo quy định.
<b>7</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>	<b>12.5</b>	<b>10.5</b>	<b>8.45</b>	
<b>7.1</b>	<b>Ứng dụng Công nghệ thông tin</b>	<b>8.5</b>	<b>7.5</b>	<b>6.45</b>	
7.1.1	Ban hành kế hoạch của đơn vị Ban hành đầy đủ, đúng quy định: 1 Không ban hành hoặc ban hành nhưng không đảm bảo theo quy định: 0	1	1	1	Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022
7.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$ . Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ Nếu tỷ lệ $b/a < 0,8$ thì điểm đánh giá là 0	1	1	1	Báo cáo số 01/BC-BCĐCĐS ngày 25 tháng 11 năm 2022; Báo cáo số 201/BC-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022
7.1.3	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật) Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$ . Trong đó: a là tổng số văn bản của cơ quan phát hành trong năm b là số văn bản được ban hành hoàn toàn dưới dạng điện tử Nếu tỷ lệ $b/a < 0,95$ thì điểm đánh giá là 0	1	1	1	Kiểm tra thực tế
7.1.4	Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ trên môi trường mạng + Đã ban hành Quyết định danh mục hồ sơ lưu trữ của cơ quan: +0,5 + Đã tạo danh mục hồ sơ trên môi trường mạng theo Quyết định ban hành: +0,5 + Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng đạt 100% (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước): +1	2	0,5 0,5	0,5 0	Kiểm tra thực tế
7.1.5	Thực hiện quy định về quản lý, cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử Cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử theo đúng quy định Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022: 0,5 Có quy chế quản lý và hoạt động Trang Thông tin điện tử: 0,25 Các trang TTĐT cấp xã liên kết đúng quy định Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022: 0,25	1	0,5 0,25 0,25	0 0,25	Kiểm tra thực tế
7.1.6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức hành chính sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành trong xử lý công việc 100% cán bộ, công chức, viên chức: 1 Từ 90% - 100% cán bộ, công chức, viên chức: 0,5 Dưới 90% cán bộ, công chức, viên chức: 0	1	1	1	Kiểm tra thực tế
7.1.7	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ hỗ trợ trao đổi công việc Điểm đánh giá theo công thức: $a/b * \text{Điểm tối đa}$ . Trong đó: a là tổng số cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử công vụ b là Tổng số cán bộ công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị	0,5	0,5	0,45	Kiểm tra thực tế
7.1.8	Nhân lực Công nghệ thông tin Có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin: 0,5 Tham gia đầy đủ lớp tập huấn về Chuyển đổi số, đào tạo kỹ năng công nghệ thông tin: 0,5	1	0,5 0,5	0,5 0,5	Kiểm tra thực tế
<b>7.2</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	
7.2.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình Điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$ . Trong đó: a là tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình b là số DVCTT toàn trình Nếu tỷ lệ $(b/a) < 0,90$ thì điểm đánh giá là 0	2	2	1	Kiểm tra thực tế
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình Điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$ . Trong đó: a là tổng số Hồ sơ TTHC được tiếp nhận trong năm (gồm cả toàn trình và một phần) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình Nếu tỷ lệ $(b/a) >= 0,25$ thì điểm đánh giá là 2	2	1	1	Kiểm tra thực tế

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
7.3	<b>Thực hiện thanh toán trực tuyến đối với các TTHC đủ điều kiện (nếu trong năm không phát sinh hồ sơ thì không đánh giá tiêu chí này)</b>				
7.3.1	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: Tinh điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ . Trong đó: <i>a</i> là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính. <i>b</i> là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến				Không đánh giá tiêu chí do: Trong năm không phát sinh hồ sơ đủ điều kiện thanh toán trực tuyến
7.3.2	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến Tinh điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ . Trong đó: <i>a</i> là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến <i>b</i> là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến				
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến Tinh điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ . Trong đó: <i>a</i> là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá <i>b</i> là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến				
8	<b>VIỆC CHẤP HÀNH QUY CHẾ VĂN HÓA CÔNG SỞ, KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH</b>	6	6	6	
8.1	<b>Việc chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức</b>	2			
	Có thực hiện việc tự kiểm tra giờ giấc làm việc tại các đơn vị thuộc, trực thuộc. Và trong năm không có trường hợp vi phạm : 2 Nếu đơn vị không thực hiện tự kiểm tra: 0 Hoặc nếu có trường hợp vi phạm phát hiện qua công tác kiểm tra đột xuất của các cấp có thẩm quyền: 0		2	2	
8.2	<b>Thực hiện quy định cấm hút thuốc lá nơi làm việc</b>	1			Kiểm tra thực tế
	100% cán bộ, công chức trong đơn vị thực hiện nghiêm quy định: 1 Dưới 100% cán bộ, công chức trong đơn vị thực hiện nghiêm quy định: 0		1	1	
8.3	<b>Thực hiện quy định không uống rượu, bia và đồ uống có cồn khác trước, trong giờ hành chính và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc</b>	1			
	100% cán bộ, công chức trong đơn vị thực hiện nghiêm quy định: 1 Dưới 100% cán bộ, công chức trong đơn vị thực hiện nghiêm quy định: 0		1	1	
8.4	<b>Thực hiện quy định đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ</b>	1			Kiểm tra thực tế
	100% cán bộ, công chức trong đơn vị thực hiện nghiêm quy định: 1 Dưới 100% cán bộ, công chức trong đơn vị thực hiện nghiêm quy định: 0		1	1	
8.5	<b>Thực hiện quy định về bài trí công sở</b>	1			Kiểm tra thực tế
	Thực hiện đúng quy định: 1 Không thực hiện đúng quy định: 0		1	1	
9	<b>ĐIỂM TRỪ (trừ tối đa 05 điểm)</b>	-5	-0.5	0	
9.1	- Cung cấp tài liệu kiểm chứng không trung thực (trừ 0,5 điểm) - Không thực hiện đúng các hướng dẫn của Hội đồng về thuyết minh, giải trình chấm điểm, cung cấp tài liệu kiểm chứng phục vụ công tác đánh giá, chấm điểm (trừ 0,5 điểm)	-1			
9.2	Phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông không đảm bảo thời hạn quy định (trừ 1 điểm)	-1			
9.3	Có đơn thư hoặc thông tin phản ánh, kiến nghị, về kết quả giải quyết công việc, thủ tục hành chính, thái độ, hành vi gây phiền hà, nhiễu nhiễu, chậm trễ giải quyết hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền xử lý và xác nhận là phản ánh đó đúng hoặc đúng một phần	-1			
9.4	Không hoàn thành công việc, nhiệm vụ CCHC được giao tại Kế hoạch CCHC năm của huyện (Mỗi nhiệm vụ chưa hoàn thành trừ 0,5 điểm, tối đa trừ 1	-1	-0.5		
9.5	Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC khác do UBND huyện, chủ tịch UBND huyện giao: 1 nhiệm vụ không thực hiện hoặc thực hiện chưa đảm bảo trừ 0,5 điểm (trừ tối đa 1 điểm).	-1			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>94</b>	<b>84.5</b>	<b>79.63</b>	
	<b>Chỉ số cải cách hành chính</b>		<b>84.71</b>		